

1. Sử dụng sơ đồ mạch điện phù hợp với Model xe
2. Xác định tên của “**linh kiện/chi tiết/bộ phận**” cần tìm kiếm trên mạch điện
3. Mở lần lượt trang tài liệu theo từng thẻ riêng lẻ (có thể đặt số thứ tự cho dễ phân biệt) như sau:
 - Thẻ **component wiring diagram index**: để xem kí hiệu sơ đồ mạch điện + tên chi tiết/linh kiện/bộ phận + trang dẫn đến sơ đồ mạch điện
 - Mở thẻ mới đến sơ đồ mạch điện quan tâm thông qua trang dẫn tại thẻ **component wiring diagram index**
 - Thẻ **List of component**: để xem kí hiệu chi tiết/linh kiện/bộ phận trên mạch điện + toạ độ + sơ đồ giắc điện liên quan
 - Thẻ **Wiring harness illustrations index**: để tra kí hiệu + trang dẫn đến sơ đồ giắc trên xe
 - Mở thẻ mới đến sơ đồ giắc quan tâm thông qua trang dẫn tại thẻ **Wiring harness illustrations index**

1. Search tên “linh kiện/phụ tùng liên quan”
 2. Đến trang “**component wiring diagram index**” để tìm thấy trang “sơ đồ mạch điện” cho “linh kiện/phụ tùng” cần tìm
 3. Nhấp vào trang cần đến để tiếp cận sơ đồ mạch điện
- Note:** tìm vị trí trên sơ đồ mạch điện tại trang “**List of components**” (Mẹo: search theo tên “linh kiện/phụ tùng” hoặc mã sơ đồ mạch điện. Ví dụ: **BE**)

Component wiring diagram index

AA	POWER SUPPLY ,STARTING SYSTEM.....	page 6
AA1	BBOX RIGHT SIDE, UADR	page 7
AA2	BBOX RIGHT SIDE, ADR	page 8
AB	POWER DISTRIBUTION, IGNITION SWITCH.....	page 9
AC	ADR MAIN SWITCH.....	page 10
BA	INSTRUMENT CLUSTER	page 11
BC	DIFF LOCK	page 12
BE	IECU	page 13
BE_1	IECU 2.0	page 14
BG	LIM , CONTROL UNIT	page 15

CÁCH XÁC ĐỊNH TOẠ ĐỘ TRÊN SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN (XEM TẠI LIST OF COPONENTS) – UD TRUCKS

A149

Tên của chi tiết/linh kiện/bộ phận

BE 0 C

Tên mạch điện và toạ độ. Ví dụ như hình là mạch **BE**, toạ độ trên mạch điện là **(0:C)**

1000

Kí hiệu sơ đồ giắc điện liên quan. Serach với mã này đến trang “**Wiring harness illutstrations index**” → nhấp đến trang chứa sơ đồ và tìm giắc liên quan

A34	CONTROL UNIT, Climate unit	{CM 2 D} (1000)
A41	RET-TH Sensor	{AMT1 2 C}
A43	Component group engine. Contains B32 and Y35	{HD11_1 3 B} (1030)
A45	Component group engine. Contains B52, R10 and Y38.	{HD11_1 3 B} (1030)
A57	Control unit, ATCU 3200	{DB 1C} {DB1 2 A}
A125	CONTROL UNIT, TGW (Telematics Gateway)	{BU 1 C}
A149	CONTROL UNIT, IECU (Integrated Electronic Control Unit)	{BE 0 C} (1000)
A149B	CONTROL UNIT, IECU 2.0 (Integrated Electronic Control Unit)	{BE_1 1 C} (1000)
A151	Control Unit, Flasher Controller	{GE 1 B} (1000)
A160A	CONTROL UNIT, LIM	{BG 2 C}
A172_M	ACM 3.0	{CV2 0 C} (1065)

Wiring harness Illustrations index

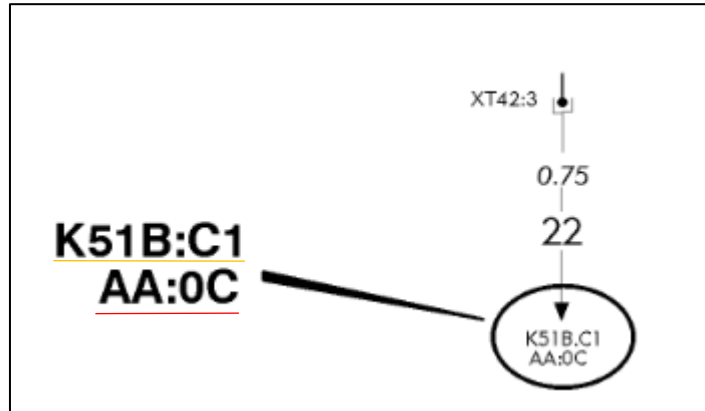
1460	Wiring Harness Battery Box	page 70
1000	Wiring Harness Instrument	page 71
1086	Wiring Harness ABS Chassis	page 72
1037	Wiring Harness Bogie Lift	page 73

XC301	Connector, Engine Interface.	{AA 2 C} {CA 0 D}{CM 1 D}
XC302	Engine Interface, GIC020.	{AA 3 C} {CM 0 D} {CB0 D} (1030)
XC303	Transmission interface, GIC021	{DB 1 D} {DB1 2 C}
XC305	Transmission interface, GIC021	{CV1 2 D} {DA2 1 D}
Y02	Solenoid valve, differential lock, rear wheels	{BC 1 D} (1063, 1476, 1501)
Y03	Solenoid valve, differential lock, inter axles, rear	{BC 0 D} (1063, 1476, 1501)

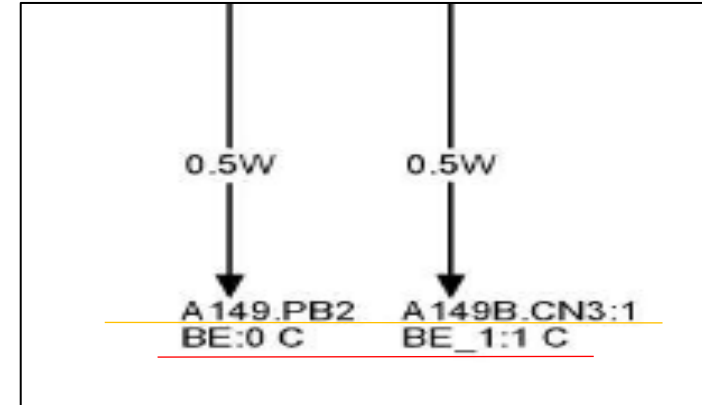
Ý nghĩa: Chi tiết XC305 có thể tìm thấy trên 02 sơ đồ mạch điện

1. Mạch điện **CV1**, toạ độ **(2:D)**
2. Mạch điện **DA2**, toạ độ **(1:D)**

CÁCH ĐỌC KÍ HIỆU TRÊN SƠ ĐỒ MẠCH ĐIỆN- UD TRUCKS



Hoặc



- Mũi tên chỉ đến mạch điện có liên quan: Mạch điện **AA**, tọa độ **(0:C)**; linh kiện **K51B**, giắc nối **C**, chân số **1**
- Để biết linh kiện **K51B** là gì search với tên đó hoặc xem tại “**Component wiring diagram index**”

- Mũi tên chỉ đến mạch điện có liên quan: Mạch điện **BE**, tọa độ **(0:C)**; linh kiện **A149**, giắc nối **PB**, chân số **2**
- Để biết linh kiện **A149** là gì search với tên đó hoặc xem tại “**Component wiring diagram index**”